

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2021.

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Kim Nương.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST-HN ngày 31 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Huyền Tr**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh TG (xin vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp ML, xã PL, huyện TP, tỉnh TG1. Là phạm nhân đang chấp hành án tại Trại giam M, Cục C - Bộ Công an. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn MP, huyện TP1, tỉnh TG2 (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Huyền Tr trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017, chị và anh C được sự chấp thuận của hai bên gia đình anh chị tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh TG1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 28-8-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau này vợ chồng mâu thuẫn nhau nguyên nhân do anh C không quan tâm chăm lo làm ăn để lo cho vợ con. Năm 2019, chị và anh C sống ly thân cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Anh C đã vi phạm pháp luật bị bắt và đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam M. Thời gian sống chung chị có khuyên can anh nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Nguyễn Thị Ái M1, sinh ngày 28-11-2016. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Tr, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Huyền Tr kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh TG1 cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó mâu thuẫn nhau do anh ham chơi không lo cho vợ con, chị Tr có khuyên nhiều lần nhưng anh không sửa đổi nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị Tr xin ly hôn anh không đồng ý vì mâu thuẫn không lớn, sau khi chấp hành án xong anh về lo cho vợ con.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Nguyễn Thị Ái M1, sinh ngày 28-11-2016. Hiện nay, cháu M1 đang sống cùng chị Tr; do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến đối với việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, cho chị Tr ly hôn với anh C; giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Huyền Tr tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn C hiện nay anh C đang chấp hành án tại Trại giam M, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG2 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị Huyền Tr và bị đơn anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn C kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh TG2 cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh C là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa chị Tr và anh C sống chung không hạnh phúc do anh C không lo làm ăn để lo cho vợ con, chị Tr đã cho nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh C không thay đổi. Đến năm 2019, chị Tr về nhà cha

mẹ ruột sống và ly thân đến nay; theo chị Tr trình bày từ khi chị về nhà cha mẹ ruột sống thì anh C không đến thăm con cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai anh C cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do anh ham chơi không lo làm ăn dù vợ có khuyên can. Nay chị Tr xin ly hôn anh không đồng ý vì mâu thuẫn nhỏ khi chấp hành án xong anh về lo cho vợ con. Chị Tr thì cương quyết ly hôn vì thời gian ly thân đã lâu chị không còn tình cảm với anh C, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Huyền Tr.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Nguyễn Thị Ái M1, sinh ngày 28-11-2016. Hiện nay cháu M1 đang sống cùng chị Tr. Chị Tr yêu cầu được nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu M1 đang sống cùng chị Tr, chị Tr có chỗ ở ổn định và có nguồn thu nhập đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, nên cần thiết tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Ái M1 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao con chung Nguyễn Thị Ái M1, sinh ngày 28-11-2016 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Huyền Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trương Thị Huyền Tr phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ái M1, sinh ngày 28-11-2016 cho chị Trương Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn C chưa phải đóng góp nuôi con chung do chị Trương Thị Huyền Tr chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20822 ngày 28-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Tr đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Tr, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã PL, huyện TP, tỉnh TG2;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền